

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 17-6-2020
V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;
2. Bà Phạm Thị Như Sứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1983. *Vắng mặt.*
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ (Nguyễn Đ), sinh năm 1976. *Vắng mặt.*
- Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2020, bản tự khai, tại các phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn – chị Đặng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu, đi đến kết hôn vào ngày 03/6/2003, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do anh Đ không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đánh đập và coi thường chị. Vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng để nuôi con khôn lớn, tuy

nhiên thời gian gần đây anh Đ tiếp tục đánh đập chị làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình cũng như sự phát triển của con. Từ đầu năm 2020 đến nay, chị và anh Đ đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị và anh Đ không thể tiếp tục được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Nguyễn Thu H, sinh ngày 01/01/2004. Hiện nay, cháu H đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu H có nguyện vọng ở cùng chị sau khi ba mẹ ly hôn nên chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Hiền. Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải, bị đơn – anh Nguyễn Đức Đ (Nguyễn Đ) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, anh đi làm đôi khi có uống chén rượu và đánh chị L như chị trình bày. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không thống nhất yêu cầu ly hôn của chị L, đề nghị Tòa án hòa giải cho đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Nguyễn Thu H, sinh ngày 01/01/2004. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì chị L tự quyết định việc nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Đặng Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Đặng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Nguyễn Đức Đ (Nguyễn Đ) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn Đức Đ (Nguyễn Đ), địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh Q. Nay, chị L khởi kiện xin ly hôn với anh Đ và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 03 tháng 6 năm 2003. Quá trình chung sống, chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn; chị L cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh Đ không quan tâm vợ con, thường xuyên đánh đập và coi thường chị làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và sự phát triển của con. Anh Đ cũng thừa nhận mâu thuẫn xuất phát từ việc anh uống rượu và đánh chị L như chị trình bày, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị L nên không thống nhất ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy anh Đ yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hiện nay anh chị không còn chung sống và quan tâm nhau nữa. Tại các phiên tòa, anh Đ đều vắng mặt không có lý do trong khi chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh Đ có một con chung tên là Nguyễn Thu H, sinh ngày 01/01/2004. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai, cháu H có nguyện vọng muốn sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Xét thấy cháu Hiền là con gái, đang ở độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải, anh Đ trình bày “Trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì tùy chị quyết định việc nuôi con”. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vắng mặt, chị L xin xét xử vắng mặt và tiếp tục có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của chị L là phù hợp với mong muốn của cháu H nên cần chấp nhận giao cháu Nguyễn Thu H cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đặng Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Đức Đ (Nguyễn Đ).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 01/01/2004 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007226 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Thuận (Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 03/6/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng